TÒA ÁN NHÂN DÂN **HỆN LỤC NAM** **T BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**

Bản án số: 68 /2024/HSST
Ngày 26/6/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HỆN LỤC NAM, T BẮC GIANG

Tnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn H.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Duy C.
2. Ông Nguyễn Hữu H.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Sơn- Thư ký Tòa án nhân dân Hện Lục Nam.

Đại diện VKSND Hện Lục Nam tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thanh B- Kiểm sát viên.

Ngày 26/6/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huện Lục Nam, T Bắc Giang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 54/2024/TLST-HS ngày 17/5/2024, T Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2024/QĐXXST-HS ngày 29/5/2024, quyết định hoãn phiên tòa số 29 ngày 13/6/2024, đối với các bị cáo:

1- Phùng Văn T, sinh năm 1965.

Nơi cư trú: Thôn T, xã Y, Hện Lục Nam, T Bắc Giang; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 7/10; con ông: Phùng Văn T (đã chết) và con bà Tăng Thị N (đã chết); vợ: Phạm Thị T; con: Có 02 con, lớn sinh năm 1990, nhỏ sinh năm 1994; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không. Hiện tại ngoại, có mặt tại phiên toà.

2- Phùng Văn T, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: Thôn T, xã Y, Hện Lục Nam, T Bắc Giang; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 9/12; con ông: Phùng Văn T và con bà Tăng Thị C; vợ: Phạm Thị H; con: Có 03 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2023; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; Bị cáo đầu thú, hiện tại ngoại, có mặt tại phiên toà.

Bị cáo Phùng Văn T trước khi phạm tội là Đảng cộng sản Việt Nam. Ngày 08/5/2024, Ủy ban kiểm tra Hện ủy Hện Lục Nam đã ra quyết định khai trừ khỏi đảng.

Bị hại: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1983. Vắng mặt.
Nơi cư trú: Thôn H, xã B, Hện Lục Nam, T Bắc Giang.

Người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan:

1- Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1958. Có mặt.
2- Ông Phùng Văn C, sinh năm 1960. Có mặt.
3- Ông Phùng Văn K, sinh năm 1958. Có mặt.
4- Ông Phùng Văn L, sinh năm 1957. Vắng mặt.
5- Ông Phùng Văn T, sinh năm 1962. Có mặt.
6- Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1969. Có mặt.
7- Ông Phùng Văn T, sinh năm 1948. Vắng mặt.
Cùng cư trú: Thôn T, xã Y, Hện Lục Nam, T Bắc Giang
8- Ông Dương Văn Q, sinh năm 1973. Vắng mặt.
Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Y, Hện Lục Nam, T Bắc Giang.

N DUNG VU ÁN:

T các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, N dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 10/4/2023, Cơ quan CSĐT Công an Hện Lục Nam nhận được kiến nghị khởi tố của Ủy ban nhân dân Hện Lục Nam đề nghị làm rõ dấu hiệu sai phạm trong việc giao đất không đúng thẩm Q của ban quản lý (viết tắt là BQL) thôn L, thôn L thuộc xã B, Hện Lục Nam vào các năm 2004, 2008, 2009 và BQL thôn T, xã Y, Hện Lục Nam vào năm 2016. Quá trình điều tra xác định: Năm 2015, nhân dân thôn T, xã Y tiến hành bầu C và bầu ra ban BQL thôn nhiệm kỳ 2015-2017 gồm: Phùng Văn T, sinh năm 1965 là Trưởng thôn; ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1969 và ông Phùng Văn T, sinh năm 1962 cùng là Phó trưởng thôn. Năm 2015, Chi bộ thôn T tiến hành đại hội Chi bộ và bầu ra ban chấp hành nhiệm kỳ 2015-2017 gồm: Ông Phùng Văn T, sinh năm 1948, giữ chức Bí thư; Phùng Văn T, sinh năm 1985 giữ chức Phó Bí thư. Năm 2016 thực hiện kế hoạch của Hội đồng nhân dân (viết tắt HĐND) T Bắc Giang chủ trương cấp một phần kinh phí hỗ trợ cho một số thôn thuộc xã Y để làm đường bê tông nông thôn, Đảng ủy xã Y tiến hành mời các đồng chí là Bí thư chi bộ và Trưởng các thôn họp bàn, tại cuộc họp đã giao cho UBND xã Y thực hiện kế hoạch và lên phương án cụ thể phân bổ nguồn vốn, đồng thời giao cho UBND xã Y làm chủ đầu tư thi công dự án trên. Chi bộ và BQL thôn T năm 2016 nhất trí đưa ra họp bàn thống nhất việc tìm nguồn vốn để xây dựng đường bê tông phục vụ dân sinh. Ngày 07/7/2016, Chi bộ và BQL thôn T họp Quân dân chính đảng do ông Phùng Văn T chủ trì (ông T là Bí thư không tham gia do bị ốm) để bàn bạc, đưa ra phương hướng để tìm nguồn vốn xây dựng đường bê tông, qua đó thống nhất đưa diện tích đất xen kẹp giáp với khu đồng ruộng Đồng Lọng để giao thầu lâu dài cho người dân lấy vốn làm đường.

Ngày 21/7/2016, BQL thôn T họp dân (do Phùng Văn T tiến hành triệu T), thông báo về chủ trương làm đường bê tông của UBND xã và xin ý kiến tìm nguồn vốn làm đường, sau khi bàn bạc thống nhất là sẽ tiến hành bán thầu đất lâu dài (không thời hạn) khu ruộng Đồng Lọng cho một hộ dân với giá 50.000.000 đồng/1 sào (tương đương 360m2), đồng thời thông báo đến toàn dân trong thôn ai có nhu cầu mua đất thì đăng ký, nếu Đ người thì sẽ tổ chức đấu

thầu. Sau khi biết tin BQL thôn T bán thầu đất lâu dài, bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1983 trú tại thôn Lọng Roi (nay là thôn H), xã B, Hện Lục Nam đã đăng ký tham gia đấu thầu và trúng thầu, mục đích là mua canh tác nông nghiệp, sau sẽ H thức hóa Tnh đất ở. Ngày 12/8/2016, tại nhà văn hóa thôn T, BQL thôn T đã tiến hành lập biên bản giao thầu ruộng Đồng Lọng lâu dài, không thời hạn cho bà T. Biên bản này được viết tay, có chữ ký xác nhận của ông Phùng Văn T (là Phó Bí thư chi bộ); ông Phùng Văn T (là Trưởng thôn); ông Phùng Văn T, ông Nguyễn Văn C (là Phó trưởng thôn); ông Nguyễn Xuân T (là Trưởng ban công tác mặt trận); các ông Phùng Văn K, Phùng Văn C, Phùng Văn L (là Ban ruộng đất (đo đạc) thôn T). Cùng ngày, bà T đã giao đủ số tiền mua thầu đất là 160.694.000 đồng cho BQL thôn T và được lập Tnh phiếu thu, có chữ ký của bên nhận gồm các ông Phùng Văn T, Phùng Văn T, Nguyễn Văn C, Phùng Văn T. Số tiền thu được từ việc giao thầu đất đã được Phùng Văn T nộp lại cho UBND xã Y và được sử dụng toàn bộ vào việc xây dựng đường bê tông nông thôn. Trước khi giao thầu cho bà T thì thửa đất trên là đất nông nghiệp bỏ hoang, xung quanh là bờ thửa bằng đất. Sau khi giao thầu đất cho bà T thì gia đình bà T đã tiến hành đổ đất tôn nền mặt ruộng, bằng phẳng, xung quanh được xây tường bao, tiến hành xây nhà cấp 4 (hiện đã tháo dỡ để lại phần móng) và trồng cây gỗ Sưa.

Ngày 29/7/2023, Cơ quan CSĐT Công an Hện Lục Nam đã tiến hành kiểm tra hiện trạng diện tích đất 1157 m^2 mà hộ gia đình bà T đã mua thầu vào năm 2016, xác định diện tích đất trên hiện nay gồm 03 thửa đất đều tại xứ đồng Má Chẻ thuộc thôn H, xã B, Hện Lục Nam, T Bắc Giang. Ngày 11/8/2023 và ngày 25/3/2024, Cơ quan CSĐT Công an Hện Lục Nam khám xét nơi ở của Phùng Văn T và Phùng Văn T ở thôn T, xã Y, Hện Lục Nam. Kết quả khám xét không thu giữ đồ vật, tài liệu gì có liên quan đến vụ án.

Quá trình điều tra, ngày 24/5/2023 bà Nguyễn Thị T giao nộp 01 biên bản giao thầu đất ruộng Đồng Lọng lập ngày 12/8/2016 (ký hiệu A1); Phùng Văn T giao nộp: 01 biên bản họp Dân Chính Đảng thôn T vào ngày 07/7/2016 (ký hiệu A3); 01 biên bản họp dân thôn T vào ngày 21/7/2016 (ký hiệu A4); 01 phiếu thu tiền giao thầu đất vào ngày 12/8/2016 (ký hiệu A2); 03 phiếu thu vào các ngày 25/7/2016; 08/8/2016; 15/8/2016 người nộp tiền là Phùng Văn T, người nhận tiền là ông Dương Văn Q, N dung "tiền đối ứng xây dựng đường bê tông thôn T, xã Y". Ngày 30/9/2023, ông Phùng Văn H, sinh năm 1969 (Bí thư chi bộ thôn T, xã Y) giao nộp: 01 quyển sổ ghi biên bản hội nghị chi bộ, chi ủy của chi bộ thôn T thời gian từ năm 2015 đến năm 2017. Cơ quan CSĐT Công an Hện Lục Nam đã tiến hành trưng cầu giám định. Tại bản kết luận giám định số 1265/KL-KTHS ngày 12/7/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an T Bắc Giang kết luận:

- Chữ ký, chữ viết trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 (trừ chữ ký, chữ viết mang tên Phùng Văn T, Phùng Văn T, Nguyễn Xuân T, Phùng Văn C, Phùng Văn K, Nguyễn Thị T, Phùng Văn T, Nguyễn Văn C) so với chữ ký, chữ

viết của Phùng Văn L trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M12 đến M15 là do cùng một người ký, viết ra.

- Chữ ký, chữ viết trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2, A4 (trừ chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị T, Phùng Văn T, Phùng Văn T, Phùng Văn T và chữ viết có N dung "đã nhận đủ tiền" trên tài liệu A2; chữ ký, chữ viết dưới các mục "chủ tọa", "Đại diện người dân" trên tài liệu A4) so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Văn C trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M3 đến M6 là do cùng một người ký, viết ra.

- Chữ ký, chữ viết mang tên Phùng Văn T dưới các mục "Thay mặt chi bộ", "Thay mặt cấp ủy" trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 và chữ ký mang tên Phùng Văn T dưới mục "Chủ tọa" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A3 so với chữ ký, chữ viết của Phùng Văn T trên các tài liệu mẫu ký hiệu M24, M25 là do cùng một người ký, viết ra.

- Chữ ký, chữ viết mang tên Phùng Văn T dưới các mục "Trưởng thôn", "chủ tọa" trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2, A4 so với chữ ký, chữ viết của Phùng Văn T trên các tài liệu mẫu ký hiệu M7, M8 là do cùng một người ký, viết ra.

- Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Xuân T dưới mục "Ban mặt trận" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 và chữ ký dưới mục "đại diện người dân" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A4 so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Xuân T trên các tài liệu mẫu ký hiệu M10, M11 là do cùng một người ký, viết ra.

- Chữ ký, chữ viết mang trên Phùng Văn T dưới các mục "phó thôn", "thủ quỹ" trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ ký, chữ viết của Phùng Văn T trên tài liệu mẫu ký hiệu M1, M2 là do cùng một người ký, viết ra.

- Chữ ký (dạng chữ viết), chữ viết có N dung "C- Phùng Văn C" dưới mục "Ban ruộng đất" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1, so với chữ ký, chữ viết của Phùng Văn C trên các tài liệu mẫu ký hiệu M18, M19 là do cùng một người ký, viết ra.

- Chữ ký (dạng chữ viết), chữ viết có N dung "K - Phùng Văn K" dưới mục "Ban ruộng đất" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1, so với chữ ký, chữ viết của Phùng Văn K trên các tài liệu mẫu M16, M17 là do cùng một người ký, viết ra.

- Chữ ký (dạng chữ viết), chữ viết có N dung "T - Nguyễn Thị T" dưới các mục "Người nộp tiền", "Người nhận thầu" trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị T trên các tài liệu mẫu ký hiệu M9 là do cùng một người ký, viết ra.

- Chữ viết trên tài liệu cầm giám định ký hiệu A3, so với chữ viết của Phùng Văn Huệ trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M20 đến M23 là không phải do cùng một người ký, viết ra.

Cáo trạng số 57/CT-VKS ngày 15/5/2024 của VKSND Hện Lục Nam đã truy tố các bị cáo Phùng Văn T và Phùng Văn T về tội " Lạm Q trong khi thi

hành công vụ" T khoản 1 Điều 282 của Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như bản Cáo trạng đã truy tố. Các bị cáo thừa nhận N dung bản Cáo trạng truy tố đúng người, đúng tội, không oan sai, đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện VKSND Hện Lục Nam thực hành Q công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo T tội danh và điều luật như đã viện dẫn ở trên. Sau khi đánh giá tính chất vụ án, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, đã đề nghị HĐXX:

Áp dụng khoản 1, khoản 4 Điều 282 của Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt Phùng Văn T từ 18 tháng tù đến 21 tháng tù về tội " Lạm Q trong khi thi hành công vụ " nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 tháng đến 42 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo Phùng Văn T đảm nhiệm chức vụ liên quan đến quản lý thôn, xã trong thời gian từ 01 đến 02 năm kể từ ngày chấp hành xong bản án.

Áp dụng khoản 1, khoản 4 Điều 282 của Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt Phùng Văn T từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù về tội " Lạm Q trong khi thi hành công vụ " nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo Phùng Văn T đảm nhiệm chức vụ liên quan đến quản lý thôn, xã trong thời gian từ 01 đến 02 năm kể từ ngày chấp hành xong bản án.

Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí T quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở N dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Hện Lục Nam, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân Hện Lục Nam, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm Q, trình tự, thủ tục T quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện phù H với quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa bị hại là chị Nguyễn Thị T; người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án ông Phùng Văn L, ông Phùng Văn T và ông Dương Văn Q đã được Tòa án triệu T H lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy quá trình

điều tra đã có đầy đủ lời khai lưu tại hồ sơ vụ án nên việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị hại và người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là Tnh khẩn, phù H với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan cảnh sát điều tra, lời khai của bị hại và phù H với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, do đó có đủ cơ sở kết luận: Phùng Văn T, sinh năm 1965 và Phùng Văn T, sinh năm 1985 cùng trú tại thôn T, xã Y, Hện Lục Nam, T Bắc Giang được bầu giữ chức vụ trưởng thôn và Phó Bí thư chi bộ thôn T, xã Y, Hện Lục Nam nhiệm kỳ từ năm 2015 đến năm 2017. Xuất phát từ lợi ích cục bộ của địa phương, trong năm 2016, Phùng Văn T và Phùng Văn T đã vượt quá Q hạn của mình, làm trái công vụ được giao tổ chức họp bàn, chỉ đạo lấy ý kiến nhân dân và Quyết định bán thầu đất không thời hạn đối với diện tích 1.157 m2 đất tại xứ đồng Má Chẻ thuộc thôn H, xã B, Hện Lục Nam, T Bắc Giang cho bà Nguyễn Thị T vào ngày 12/8/2016, thu được số tiền 160.694.000 đồng. Toàn bộ số tiền thu được nêu trên đã được nộp về UBND xã Y, Hện Lục Nam và được dùng vào mục đích làm đường giao thông nông thôn. Quá trình điều tra Phùng Văn T và Phùng Văn T đã khắc phục trả lại số tiền đã thu và bồi thường cho bà Nguyễn Thị T số tiền 210.000.000 đồng. Cáo trạng số 57/CT-VKS ngày 15/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân Hện Lục Nam truy tố các bị cáo Phùng Văn T và Phùng Văn T về tội " Lạm Q trong khi thi hành công vụ" T khoản 1 Điều 282 của Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất vụ án: Đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm, đã trực tiếp xâm phạm đến quan hệ xã hội bảo đảm tính đúng đắn và có trật tự của hoạt động thực hiện công vụ được pháp luật hình sự bảo vệ. Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, có điều kiện để nhận thức về pháp luật. Các bị cáo là người có chức vụ Q hạn, các bị cáo phải nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng cố ý thực hiện. Vì vậy, phải có mức hình phạt tù tương xứng với hành vi của các bị cáo đã gây ra, mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa C.

[5] Xét vai trò của các bị cáo: Trong vụ án này bị cáo Phùng Văn T giữ vai trò cao hơn bị cáo Phùng Văn T vì vậy bị cáo T phải chịu hình phạt cao hơn bị cáo T.

[6] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân T.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ: Xét thấy cả hai bị cáo có nhân thân T, có nhiều Tnh tích trong công tác, chưa có tiền án tiền sự, các bị cáo phạm tội lần đầu và không có mục đích tư lợi cá nhân, mục đích các bị cáo bán đất để làm các công trình phúc lợi công cộng như làm đường bê tông…., trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Tnh khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường cho bị

hại được tổng số tiền 210.000.000 đồng, người bị hại có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho các bị cáo; bị cáo Phùng Văn T được Ủy ban nhân dân xã Y tặng giấy khen, bố mẹ bị cáo được tặng thưởng H, H chương; bị cáo Phùng Văn T sau khi phạm tội đã ra đầu thú, có thời gian phục vụ trong quân đội và được tặng danh hiệu chiến sỹ tiên tiến, bố đẻ bị cáo được tặng H chương; đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, không cần thiết các ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách, đồng thời giao cho UBND xã nơi các bị cáo cư trú giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách là phù H pháp luật.

[7] Về hình phạt bổ sung: Cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo T quy định của pháp luật.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu gì đối với các bị cáo nên HĐXX không xem xét.

[9] Đối với N dung kiến nghị khởi tố của Ủy ban nhân dân Hện Lục Nam đề nghị làm rõ dấu hiệu sai phạm trong việc giao đất không đúng thẩm Q của BQL thôn L, thôn L thuộc xã B, Hện Lục Nam vào các năm 2004, 2008, 2009, quá trình điều tra xác định: Năm 2004, Chi bộ Yên Lũng (là Chi bộ ghép của 03 thôn, thôn L, Lọng Nghè và L, xã B) do ông Phạm Hồng Đ, sinh năm 1947 trú tại thôn Lọng Nghè, xã B là Bí thư chi bộ; ông Dương Quang H, sinh năm 1959 là Phó Bí thư chi bộ; ông Hoàng Văn T, sinh năm 1966 đều trú tại thôn H, xã B là Trưởng thôn L; ông Đàm Văn Đ (đã chết) là Trưởng thôn L đã họp bàn, cùng BQL thôn L, thôn L, xã B đã tiến hành lập biên bản giao thầu đất lâu dài, vĩnh viễn cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1964 trú tại thôn H, xã B diện tích 699m2 đất khu Ùng Đấu thuộc thôn L thu số tiền 7.000.000 đồng vào ngày 19/4/2005. Giao thầu lâu dài, vĩnh viễn cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1970 trú tại thôn H, xã B, Hện Lục Nam diện tích 1.935m2 khu lạch Má Vàng thu số tiền 10.000.000 đồng vào ngày 06/4/2004. Giao thầu 2.160m2 đất khu Hồ Nủi cho 04 hộ dân, sử dụng vào mục đích nuôi trồng T sản, thời hạn lâu dài vĩnh viễn với giá 30.000.000 đồng/540m2, gồm: Hộ ông Dương Văn B, sinh năm 1971; ông Dương Văn H, sinh năm 1967; ông Dương Văn Hên, sinh năm 1977; ông Dương Văn H, sinh năm 1968 cùng trú tại thôn H, xã B, Hện Lục Nam, T Bắc Giang vào ngày 05/12/2009. Toàn bộ số tiền thu được đã được sử dụng để chi trả xây dựng nhà văn hóa, trường mầm non, xây dựng đường bê tông nông thôn cho thôn. Việc các ông Phạm Hồng Đ; ông Dương Quang H; ông Hoàng Văn T và ông Đàm Văn Đ đã giao diện tích đất cho các hộ gia đình nêu trên có dấu hiệu của tội "Lạm Q trong khi thi hành công vụ", quy định tại khoản 1, Điều 282 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Tuy nhiên quá trình điều tra xác định UBND xã B không còn lưu giữ sổ sách, quản lý, T dõi; không rõ thuộc diện tích đất công ích hay không. Mặc khác

căn cứ Thông tư liên tịch số 01/1998/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BNV ngày 02/01/1998 hướng dẫn áp dụng một số quy định của luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự thì hành vi của các ông ng Đ, H, T và Đ đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự nên việc Cơ quan CSĐT Công an Hện Lục Nam không đề cập xử lý. Ngày 10/4/2024, Chủ tịch UBND xã B ban hành Quyết định số 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30/QĐ-UBND hủy bỏ các văn bản giao thầu đất trái thẩm Q của BQL thôn L, L, xã B và BQL thôn T, xã Y đối với các thửa đất nêu trên để quản lý.

Đối với các ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1958 (là Trưởng ban công tác mặt trận); Phùng Văn C, sinh năm 1960, Phùng Văn K, sinh năm 1958; Phùng Văn L, sinh năm 1957 (đều thuộc ban ruộng đất thôn T); Phùng Văn T, sinh năm 1962 và Nguyễn Văn C, sinh năm 1969 (là Phó trưởng thôn), đều trú tại thôn T, xã Y, Hện Lục Nam có tham gia ký vào các biên bản H đồng giao thầu ruộng và phiếu thu tiền bán đất cho bà Nguyễn Thị T. Tuy nhiên hành vi của những người này không giữ vai trò quyết định, họ tham gia ký cho đủ Tnh phần BQL thôn, ban ngành đoàn thể thôn, họ làm vì mục đích C, lợi ích T thể, không có yếu tố vụ lợi cá nhân nên Cơ quan CSĐT Công an Hện Lục Nam không đề cập xử lý.

[10] Về vật chứng, đồ vật liên quan vụ án: Đối với tài liệu thu giữ trong quá trình điều tra 01 biên bản giao thầu đất ruộng Đồng Lọng; 01 biên bản họp Dân Chính Đảng thôn T; 01 biên bản họp dân thôn T; 01 phiếu thu tiền giao thầu đất vào ngày 12/8/2016; 03 phiếu thu vào các ngày 25/7/2016; 08/8/2016; 15/8/2016 và 01 quyển sổ ghi biên bản hội nghị chi bộ, chi ủy của chi bộ thôn T xét thấy đây là tài liệu, chứng cứ chứng minh việc phạm tội của các bị cáo đã được lưu trong hồ sơ vụ án nên HĐXX không xem xét xử lý.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST T quy định của pháp luật.

[12] Về Q kháng cáo: Các bị cáo; bị hại; người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan có Q kháng cáo bản án T quy định của pháp luật.

[13] Đề nghị của đại diện VKS ở tại phiên tòa đối với bị cáo là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

(1) Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 282 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Phùng Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "*Lạm Q trong khi thi hành công vụ* " nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo Phùng Văn T đảm nhiệm chức vụ trong thôn, xã trong thời gian 02 (hai) năm kể từ ngày chấp hành xong bản án.

Căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 282 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Phùng Văn T 01 (một) năm 03 (sáu) tháng tù về tội "*Lạm Q trong khi thi hành công vụ*" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo Phùng Văn T đảm nhiệm chức vụ trong thôn, xã trong thời gian 02 (hai) năm kể từ ngày chấp hành xong bản án.

Giao các bị cáo Phùng Văn T và Phùng Văn T cho UBND xã Y, Hện Lục Nam, T Bắc Giang nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường H người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú được thực hiện T Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

(2) Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 – BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí. Buộc các bị cáo Phùng Văn T và Phùng Văn T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí HSST.

(3) Về Q kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333, 334 - BLTTHS.

Báo cho các bị cáo, người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có Q kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có Q kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Nơi nhận:
-TAND T Bắc Giang;
-VKSND T Bắc Giang;
-VKSND Hện Lục Nam;
-CCTHADS Hện Lục Nam;
-CQSĐT CA. Hện Lục Nam;
-Sở tư pháp T Bắc Giang;
-Bị cáo, bị hại, người có QLNVLQ;
-Lưu hồ sơ vụ án;
-Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn H